

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 536/2025/DS-PT

Ngày 30 - 9 - 2025

V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Châu

Các Thẩm phán: Ông Ngô Đề

Bà Phạm Thị Thu Trang

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lưu Chí Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Kim Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 235/2025/TLPT-DS ngày 29 tháng 7 năm 2025 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 123/2025/DS-ST, ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực X - Vĩnh Long) bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 423/2025/QĐ-PT, ngày 21 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa (lần 1) số: 430/2025/QĐ-PT ngày 08/9/2025, Quyết định hoãn phiên tòa (lần 2) số: 498/2025/QĐ-PT ngày 22/9/2025, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:**

1. Ông Nguyễn Bá L, sinh năm 1967, vắng mặt;

2. Bà Nguyễn Thị Kim B, sinh năm 1969, có mặt;

Cùng địa chỉ: Số A, ấp P, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre (Nay là số A, ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Bá L: Bà Nguyễn Thị Kim B, sinh năm 1969; địa chỉ: Số A, ấp P, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre (Nay là số A, ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long), có mặt.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Đình L1, sinh năm 1973; địa chỉ: Số E, ấp P, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre (Nay là Số E, ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long), vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Đình L1: Bà Nguyễn Thị Hằng

E, sinh năm 1978; địa chỉ: Số E, ấp P, xã V, huyện C, tỉnh Bến Tre (Nay là Số E, ấp P, xã P, tỉnh Vĩnh Long), có mặt.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Ngô Việt B1 – Văn phòng L2, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H; địa chỉ văn phòng: Số D N, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Đình L1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Thị Kim B trình bày và có yêu cầu như sau:

Vào ngày 24/10/2019 vợ chồng bà có cho ông Nguyễn Đình L1 vay số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) để làm vốn mua bán trái cây (chôm chôm), thời hạn vay là 06 (Sáu) tháng kể từ ngày 24/10/2019. Khi cho ông L1 vay tiền, vợ chồng bà không có yêu cầu trả lãi suất cụ thể bao nhiêu mà ông L1 tự hứa mỗi tháng đưa 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng). Khi giao tiền cho ông L1 thì bà có viết một “tờ biên nhận” ngày 24/10/2019 đưa cho ông L1 ký tên. Sau khi nhận tiền, ông L1 có trả tiền lãi cho bà được 03 tháng, mỗi tháng trả 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo đúng như lời ông L1 hứa rồi ngưng luôn. Mặc dù sau đó bà đã nhiều lần điện thoại yêu cầu ông L1 trả lại số tiền vốn đã vay nhưng ông L1 không trả. Vì vậy, nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Đình L1 phải có nghĩa vụ trả lại cho vợ chồng bà số tiền đã vay là 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), bà không yêu cầu tính lãi. Do khi cho vay tiền thì vợ chồng bà chỉ có cho một mình ông L1 vay nên nay bà chỉ yêu cầu một mình ông L1 trả, không yêu cầu vợ ông L1 phải có nghĩa vụ liên đới cùng ông L1 trả.

Tại đơn đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện đề ngày 25/4/2025, bị đơn ông Nguyễn Đình L1 trình bày và có yêu cầu như sau:

Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn cho rằng thời hạn vay tiền là 06 tháng, tức đến 24/4/2020 phải trả. Do đó, ngày mà nguyên đơn biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm được tính từ ngày 24/4/2020. Theo Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015: “Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm”. Nhưng quá thời hạn đã lâu nguyên đơn kiện tranh chấp hợp đồng vay nên ông không đồng ý. Vì vậy, ông đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để đình chỉ giải quyết vụ án theo đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu của ông.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 123/2025/DS-ST, ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực X -

Vĩnh Long) đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ các Điều 429, 155, 166, 357, 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. *Tuyên xử:*

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Thị Kim B đối với ông Nguyễn Đình L1 về việc “Đòi lại tài sản”. Cụ thể tuyên:

Buộc ông Nguyễn Đình L1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Thị Kim B số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngày 02/06/2025, ông Nguyễn Đình L1 kháng cáo toàn bộ bản án, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không có thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi ích cho bị đơn trình bày: Biên nhận ông L1 ghi là “nợ cô út” chứ không có ghi nợ ông L và bà B và cô út là 01 người khác, tại phiên tòa sơ thẩm thì vấn đề này không được cấp sơ thẩm làm rõ, tại phiên tòa phúc thẩm thì bà B cũng không chứng minh được “nợ cô út” chính là nợ của bà B và bà B có tên gọi khác là cô út. Ông L1 không thừa nhận có việc nợ tiền bà B và ông L, chứng cứ này cũng không xác định được chắc chắn rằng ông L1 có thiếu nợ ông L và bà B. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án theo hướng chấp nhận kháng cáo của ông L1, bác yêu cầu khởi kiện của ông L và bà B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, các đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về nội dung vụ án:* Việc khởi kiện của nguyên đơn dựa trên tờ biên nhận đề ngày 24/10/2019 (cả 02 mặt trên cùng 01 tờ giấy) với số tiền bằng 100.000.000 đồng; ông L1 không đồng ý vì ông cho rằng ông không có nợ khoản tiền này. Tuy nhiên, xét tờ biên nhận thể hiện có chữ viết và chữ ký của ông L1, người đại diện cho ông L1 là chị Hằng E cũng thừa nhận, nhưng cho rằng biên nhận nợ ghi “nợ cô út” chứ không ghi nợ ông L hay bà B nên không đồng ý trả, xét lời nại ra của bà Hằng E là

không có căn cứ, bởi vì khoản nợ được ghi trên cùng 01 tờ giấy, do ông L và bà B giữ, bà Hằng E cũng không chứng minh được “cô út” là ai. Đồng thời, ông L1 có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với khoản vay này xem như ông L1 thừa nhận nợ (không có nợ tại sao phải yêu cầu áp dụng thời hiệu).

Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên án sơ thẩm, ông Nguyễn Đình L1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Đình L1 làm trong hạn luật định và hợp lệ nên chấp nhận xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét nội dung vụ án và đơn kháng cáo của ông Nguyễn Đình L1, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

Căn cứ “tờ biên nhận” đề ngày 24/10/2019 có nội dung thể hiện ngày 24/10/2019 ông Nguyễn Đình L1 có vay của ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Thị Kim B số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), bên vay không ký tên. Tuy nhiên, mặt sau cùng tờ giấy biên nhận có thể hiện nội dung “Tôi tên Nguyễn Đình L1 có mượn cô út số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu đồng chẵn)”. Mặt khác, tại đơn đề nghị áp dụng thời hiệu khởi kiện đề ngày 25/4/2025, chính ông L1 cũng đã thừa nhận thời hạn vay là 06 tháng và cho rằng khoản nợ trên đã hết thời hiệu khởi kiện về hợp đồng vay nên đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết vụ án. Như vậy, nếu trường hợp ông L1 không có vay thì yêu cầu áp dụng thời hiệu làm gì, do đó, có đủ căn cứ xác định ông L1 có vay của ông L, bà B số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), việc ông L1 không trả số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) cho ông L, bà B là hành vi chiếm hữu không có căn cứ pháp luật. Do đó, căn cứ Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015, ông L, bà B yêu cầu ông L1 trả lại số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) là phù hợp và có căn cứ pháp luật nên cấp sơ thẩm buộc ông L1 phải có nghĩa vụ trả cho ông L, bà B số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) là có căn cứ.

[3] Xét lời nại ra của người bảo vệ quyền lợi ích cho ông L1 cho rằng, biên nhận ông L1 ghi là “nợ cô út” chứ không có ghi nợ ông L và bà B và cô út là 01 người khác là không có cơ sở. Bởi vì, biên nhận nợ gồm 01 tờ giấy có ghi 02 mặt (mặt 01 ghi hôm nay ngày 24/10/2019, tôi có mượn của Nguyễn Bá L và cô Nguyễn Thị Kim B số tiền bằng 100 triệu đồng chẵn; mặt 02 ghi tôi Nguyễn Đình L1 có mượn cô út số tiền 100.000.000 đồng), bà Hằng E đại diện cho ông L1 xác định chữ viết và chữ ký ở mặt 2 đúng là chữ viết và chữ ký của ông L1, và tại phiên tòa bà B cũng xác định bà thứ út, dân địa phương (cả ông L1) đều thường gọi là bà út, cô út

hoặc chi út tùy theo vai vế, tuổi tác,...cho nên xác định khoản nợ này là nợ ông L1 vay mượn của bà B và ông L chưa trả.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Kháng cáo của ông Nguyễn Đình L1 không được chấp nhận nên ông Nguyễn Đình L1 phải chịu án phí theo quy định tại Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc ông Nguyễn Đình L1 phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009665 ngày 02/06/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực X – Vĩnh Long).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Đình L1

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 123/2025/DS-ST, ngày 28 tháng 5 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực X - Vĩnh Long).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Thị Kim B đối với ông Nguyễn Đình L1 về việc “Đòi lại tài sản”.

Buộc ông Nguyễn Đình L1 phải có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Thị Kim B số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Đình L1 phải có nghĩa vụ chịu số tiền án phí là 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), nộp tại cơ quan Thi hành án dân sự.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Bá L và bà Nguyễn Thị Kim B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003364 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực X – Vĩnh Long).

3. *Về án phí dân sự phúc thẩm:* Buộc ông Nguyễn Đình L1 phải chịu án phí là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0009665 ngày 02/06/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực X – Vĩnh Long).

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực X – Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực X – Vĩnh Long;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Ngô Thị Kim Châu